

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Ông Y Tha Mlô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bé Văn Toàn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 390/2022/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST - HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Thanh T, sinh năm 1988, (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Chị Chu Thị Th, sinh năm 1994, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:**

Anh và chị Chu Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013 tại UBND xã E, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy Nền sau đó do bất đồng quan điểm sống nên xảy ra Nền mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2020 đến nay thì anh chị đã ly thân và không

còn chung sống với nhau nữa. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Chu Thị Th.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống, anh T và chị Th có 03 con chung:

- + Cháu Lê Thị Hà V, sinh ngày 26/4/2014;
- + Cháu Lê Thanh V1, sinh ngày 13/5/2016;
- + Cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2018.

Hiện nay anh T đang cư trú tại thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nhà cửa và nghề nghiệp của anh T ổn định, thu nhập hàng năm cũng hơn 100.000.000 đồng. Do vậy, anh T và chị Th đã thỏa thuận, anh T là người trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Hà V và cháu Lê Thanh V1. Còn cháu N còn nhỏ nên chị Th và anh T thỏa thuận giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn chị Chu Thị Th vắng mặt tại phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2022 chị Chu Thị Th có lập bản tự khai với nội dung:*

Tôi và anh Lê Thanh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nay anh T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- Về con chung, chị Chu Thị Th khai nhận: Trong thời kỳ chung sống, anh T và chị Th có 03 con chung:

- + Cháu Lê Thị Hà V, sinh ngày 26/4/2014;
- + Cháu Lê Thanh V1, sinh ngày 13/5/2016;
- + Cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2018.

Chị Chu Thị Th và anh T thỏa thuận giao cháu Lê Thị Ánh N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, vì cháu N còn nhỏ nên cần ở bên cạnh mẹ hơn. Còn hai cháu V và V1 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì hai cháu muốn ở với anh T. Chị Chu Thị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, chị Chu Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T, anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Chu Thị Th.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ánh N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Còn hai cháu V và V1 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại thôn B, xã E, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Chu Thị Th nhưng chị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Chu Thị Th là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Anh Lê Thanh T và chị Chu Thị Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 3 năm 2013 tại UBND xã E, huyện C theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của các đương sự đều cho thấy quá trình chung sống, anh T và chị Th thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, hay cãi vã; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian đó hai bên không liên lạc với nhau và không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc anh T xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Lê Thanh T và chị Chu Thị Th có ba con chung là cháu Lê Thị Hà V, sinh ngày 26/4/2014; cháu Lê Thanh V1, sinh ngày 13/5/2016; cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2018. Hiện cháu V và cháu V1 đang do anh Lê

Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị Th thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu V và cháu V1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ánh N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V và cháu V1 cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Lê Thanh T, giao cháu V và cháu V1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ánh N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thanh T và chị Chu Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn chị Chu Thị Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Chu Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Hà V, sinh ngày 26/4/2014 và cháu Lê Thanh V1, sinh ngày 13/5/2016 cho anh Lê Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 14/8/2018 cho chị Chu Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thanh T và chị Chu Thị Th không có yêu cầu.

Anh Lê Thanh T và chị Chu Thị Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013673 ngày 30/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện CưM'gar;
- UBND xã Ea Kpam;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thiên Lý